

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM T BẮC
TỈNH BÌNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/3/2022

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM T BẮC, TỈNH BÌNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Sơn

2. Ông Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm T Bắc, tỉnh Bình T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm T Bắc, tỉnh Bình T tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm T Bắc, tỉnh Bình T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2021, về việc: “Tranh chấp về ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/02/2022 giữa các đương sự:

- N1 đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1958.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Thôn 03, xã H, huyện H, tỉnh B.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2021, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án N1 đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ngày 08/11/1978. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống hạnh phúc và có với nhau 06 người con chung, Trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung nên hay có lời qua tiếng lại trong sinh hoạt hàng ngày, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt. Thời gian gần đây ông cảm thấy không được bà H tôn trọng. Hai vợ chồng hiện vẫn sống chung một nhà nhưng không còn tình cảm gì với nhau. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 06 con chung tên Trần Thị Phụng N, sinh năm

1979; Trần Thị Phương N1, sinh năm 1981; Trần Thị Vinh X, sinh năm 1984; Trần Sinh M, sinh năm 1987; Trần Song M, sinh năm 1989; Trần Tam G, sinh năm 1993.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, N1 đơn ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông Trần Văn T yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Các con chung điều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

**/Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Về quan hệ hôn nhân và về con chung, bà H xác nhận đúng như ông T trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng thì ông T trình bày không đúng. Vợ chồng ông bà vẫn chung sống hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng. Vợ chồng vẫn chung sống một nhà cùng với các con, quan hệ tình cảm vẫn bình thường. Bà không hiểu vì sao ông T lại muốn ly hôn với bà. Khi bà được Tòa án triệu tập để làm việc thì bà và các con khuyên ngăn ông T nhưng ông không nghe. Nay bà xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau, hai người nay tuổi cũng đã cao nên bà muốn chồng suy nghĩ lại để hàn gắn vợ chồng chăm sóc nhau lúc già yếu. Bà Nguyễn Thị H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa T với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các bên đương sự không tự thỏa T được và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị H. Đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại thôn 03, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a

Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình T.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Sơn, huyện Hàm T Bắc, tỉnh Bình T ngày 08/11/1978, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo ông Trần Văn T khai, trong cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, thường xuyên cãi vã lời qua tiếng lại do không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, theo bà Nguyễn Thị H thì hai vợ chồng vẫn chung sống với nhau bình thường từ khi chung sống với nhau tới giờ, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H xác định vẫn còn yêu thương chồng, muốn chồng suy nghĩ lại quay về với vợ con, chăm lo đời sống chung của gia đình vợ chồng khi về già. Tại Biên bản xác minh ngày 28/02/2022 của ban điều hành thôn 3, xã Hồng Sơn, thì hiện nay ông T và bà H vẫn sống chung nhà, thì thoảng có cãi vã qua lại nhưng chỉ là nhỏ nhặt trong sinh hoạt hằng ngày trong gia đình. Ông T và bà H vẫn chung sống hòa T, không có mâu thuẫn gì. Theo đơn trình bày của tất cả các người con của ông T, bà H thì hiện nay các con cũng đã có gia đình, ông T bị nhiều căn bệnh nên sức khỏe yếu, việc ông T yêu cầu ly hôn với bà H thì sẽ có di nghị không hay tới hàng xóm xung quanh và tới sui gia của hai ông bà. Từ những tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà H chưa đến mức trầm trọng, việc ông T khởi kiện ly hôn với bà H nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị H, là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị H và các con chung điều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 271; Điểm 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ Khoản 01 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. - Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T về việc yêu cầu ly hôn với và bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn và con chung điều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí: Ông Trần Văn T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/3/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình T;
- VKSND huyện Hàm T Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm T Bắc;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồng Sơn;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hà Văn Hôn